

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	...	<b>346.126.256.264</b>	<b>389.824.929.701</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	...	<b>10.924.403.288</b>	<b>11.284.015.967</b>
1. Tiền	111	V.01	10.924.403.288	11.284.015.967
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>10.277.200.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	10.277.200.000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...		
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	...	<b>216.414.171.630</b>	<b>253.104.718.288</b>
1. Phải thu khách hàng	131	...	177.291.042.486	159.865.230.262
2. Trả trước cho người bán	132	...	8.608.253.372	14.433.904.671
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	30.514.875.772	78.805.583.355
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...		
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	...	<b>95.941.778.732</b>	<b>111.894.277.419</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	95.941.778.732	111.894.277.419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	...	<b>12.568.702.614</b>	<b>13.541.918.027</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	3.920.048.126	6.299.204.669
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	8.648.654.488	7.242.713.358
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	...	<b>151.533.146.464</b>	<b>162.029.517.557</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	...		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	...	<b>48.303.006.167</b>	<b>53.039.165.238</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	46.617.660.712	51.380.665.238
- Nguyên giá	222	...	103.654.884.872	103.717.080.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-57.037.224.160	-52.336.415.077
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.620.000.000	1.620.000.000
- Nguyên giá	228	...	2.120.000.000	2.120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-500.000.000	-500.000.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	65.345.455	38.500.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	...	<b>94.763.600.000</b>	<b>99.407.300.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	...	92.470.800.000	82.840.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.292.800.000	22.932.500.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...		-6.366.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	...	<b>8.466.540.297</b>	<b>9.583.052.319</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8.466.540.297	8.583.052.319
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268	...		1.000.000.000
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>250</b>		<b>497.659.402.728</b>	<b>551.854.447.258</b>

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	...	<b>367.164.006.332</b>	<b>428.858.978.129</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	...	<b>343.120.917.691</b>	<b>418.801.723.486</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	183.485.803.946	212.706.875.040
2. Phải trả người bán	312	...	45.550.105.081	77.697.923.952
3. Người mua trả tiền trước	313	...	34.060.644.592	28.129.666.641
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	19.402.422.220	15.071.101.225
5. Phải trả công nhân viên	315	...	16.506.138.788	29.788.841.068
6. Chi phí phải trả	316	V.17	21.150.796.700	31.446.710.229
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	23.367.348.318	18.878.501.960
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...		5.474.245.325
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	...	-402.341.954	-392.141.954
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	...	<b>24.043.088.641</b>	<b>10.057.254.643</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...		
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	16.967.422.888	8.821.895.740
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...	1.222.682.703	1.235.358.903
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	5.852.983.050	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.22	<b>130.495.396.396</b>	<b>122.995.469.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	...	<b>130.495.396.396</b>	<b>122.995.469.129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	27.976.043.226	27.976.043.226
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	3.004.949.525	3.004.949.525
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	17.587.226.418	10.087.299.151
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	...		
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>497.659.402.728</b>	<b>551.854.447.258</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản phải trả	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
Nguồn vốn khấu hao cơ bản			

Hà nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC







Lê Thị Hồi

Phạm Đức Trọng

Trần Thanh Sơn

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý II năm 2012

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	77.242.104.272	108.238.164.807	145.591.940.812	124.946.840.825
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	2	...	1	0	62.705.498	0
+ Chiết khấu thương mại	4	...		0		
+ Giảm giá hàng bán	5	...	1		62.705.498	
+ Hàng bán bị trả lại	6	...	0	0	0	
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...		0		
3. Doanh thu thuần BH và c. cấp dịch vụ (10=01-03)	10	...	77.242.104.271	108.238.164.807	145.529.235.314	124.946.840.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	63.103.278.816	97.587.367.488	115.291.454.525	97.605.150.143
5. Lợi nhuận gộp BH và c. cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	14.138.825.455	10.650.797.319	30.237.780.789	27.341.690.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.853.843.093	7.687.174.987	11.277.109.293	13.848.165.429
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	10.235.059.649	9.090.561.403	23.112.521.373	28.985.569.074
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	10.205.119.649	13.612.098.655	23.082.581.373	26.657.569.074
8. Chi phí bán hàng	24	...		0		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	4.603.319.702	9.456.135.966	10.120.374.937	10.707.414.852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	4.154.289.197	-208.725.063	8.281.993.772	1.496.872.185
11. Thu nhập khác	31	...	7.272.721		61.542.213	
12. Chi phí khác	32	...	478.696.791		843.608.718	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-471.424.070	0	-782.066.505	0
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41	...				
15. Tổng lợi nhuận k. toán trước thuế (50=30+40+41)	50	...	3.682.865.127	-208.725.063	7.499.927.267	1.496.872.185
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	920.716.282		1.874.981.817	107.796.523
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	2.762.148.845	-208.725.063	5.624.945.450	1.389.075.662
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	395	-30	804	198

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2012

LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*Le Thi Hoa*  
Le Thi Hoa

*Phạm Đức Trọng*  
Phạm Đức Trọng



*Trần Thanh Sơn*  
Trần Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B Toà nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Hà Nội

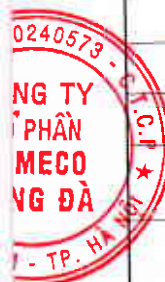
Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(6 tháng đầu năm 2012 Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm 2012	
			Năm 2012	Năm 2011
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	217.555.028.074	304.809.026.861
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-38.733.760.007	(54.082.161.887)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-31.863.578.369	(20.310.074.053)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-19.272.842.042	(27.275.873.691)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	-2.473.295.603
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	76.538.016.877	69.100.392.334
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-131.738.273.605	(193.798.464.452)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>72.484.590.928</b>	<b>75.969.549.509</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	7.272.721	
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.006.646	283.720.613
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>65.279.367</b>	<b>283.720.613</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp vốn CSH	31	0	
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.140.000.000	22.539.251.381
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-92.049.482.974	(107.737.677.574)



STT	Chi tiêu	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm 2012	
			Năm 2012	Năm 2011
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-72.909.482.974	-85.198.426.193
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(359.612.679)	-8.945.156.071
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	11.284.015.967	36.196.879.083
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>		10.924.403.288	27.251.723.012

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2012

LẬP BIỂU

*Mai Thị Na*

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Phạm Đức Trọng*

Phạm Đức Trọng



*Trần Thanh Sơn*



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 635 nhân viên đang làm việc (số cuối năm trước là 664 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### ***Giá trị thương hiệu Sông Đà***

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Tiền thuê văn phòng trả trước***

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### ***Chi phí bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

#### ***Các hợp đồng có rủi ro lớn***

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **14. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 17. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Sản lượng dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT}} + \frac{\text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Sản lượng thực hiện trong kỳ từng CT, HMCT}}}{1} \times \frac{\text{Doanh thu được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán}}{\text{Doanh thu được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán}}$$

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 19. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9.250.936.352	3.675.529.202
Tiền gửi ngân hàng	1.673.466.936	7.608.486.765
<b>Cộng</b>	<b>10.924.403.288</b>	<b>11.284.015.967</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000		
<b>Cộng</b>		<b>10.277.200.000</b>		
<b>3. Phải thu khách hàng</b>				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Khách hàng là các bên liên quan:		54.933.645.721	42.855.381.407	
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>			801.922.498	
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		269.549.734	2.555.264.019	
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên</i>		51.381.222.373	35.215.321.276	
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</i>		3.282.873.614	4.282.873.614	
Các khách hàng khác		122.357.396.765	117.009.848.855	
<b>Cộng</b>		<b>177.291.042.486</b>	<b>159.865.230.262</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán</b>				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Nhà cung cấp là các bên liên quan:		5.339.147.335	12.335.863.516	
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		492.942.955	5.208.036.555	
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>		4.846.204.380	5.213.484.435	
<i>Công ty CP Someco Hòa Bình</i>			1.914.342.526	
Các nhà cung cấp khác		3.269.106.037	2.098.041.155	
<b>Cộng</b>		<b>8.608.253.372</b>	<b>14.433.904.671</b>	
<b>5. Các khoản phải thu khác</b>				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên		398.983.591	355.458.717	
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV		41.878.807	65.442.691	
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên		27.077.507	36.335.000	
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên		27.979.986	10.429.717	
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - mua cổ phiếu		1.232.000.000	1.232.000.000	

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban ĐH Xekaman 3 - tiền thưởng	370.000.000	-
Phải thu khác các Công ty con:	28.344.765.505	77.088.586.583
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	10.851.642.357	17.123.576
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	4.752.325.008	7.738.399.350
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	12.740.798.140	69.312.266.002
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng 1 Someco</i>		16.797.655
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		4.000.000
Các khoản phải thu khác	5.715.879.087	17.330.647
<b>Cộng</b>	<b>30.514.875.672</b>	<b>78.805.583.355</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.009.095.513	2.928.411.109
Công cụ, dụng cụ	652.888.113	740.769.924
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.279.795.106	108.225.096.386
<b>Cộng</b>	<b>95.941.778.732</b>	<b>111.894.277.419</b>
<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tạm ứng	7.333.428.488	6.312.138.567
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.315.226.000	930.574.791
<b>Cộng</b>	<b>8.648.654.488</b>	<b>7.242.713.358</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.704.445.436	65.646.518.760	22.134.971.981	1.231.144.138	103.717.080.315
Tăng do mua sắm mới					
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành					
Giảm do thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.704.445.436</b>	<b>65.948.914.203</b>	<b>22.134.971.981</b>	<b>1.231.144.138</b>	<b>103.654.884.872</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>2.668.010.578</b>	<b>31.169.848.770</b>	<b>17.600.281.151</b>	<b>898.274.578</b>	<b>52.336.415.077</b>
Số đầu năm	708.025.578	3.163.311.671	957.577.581	54.189.696	4.883.104.526
Tăng trong năm do khấu hao					
Giảm do thanh					
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.022.023.367</b>	<b>32.773.370.764</b>	<b>18.079.069.952</b>	<b>926.004.346</b>	<b>54.800.468.429</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>12.036.434.858</b>	<b>34.476.669.990</b>	<b>4.534.690.830</b>	<b>332.869.560</b>	<b>51.380.665.238</b>
Số đầu năm	<b>11.328.409.280</b>	<b>31.399.367.096</b>	<b>3.607.718.478</b>	<b>282.165.859</b>	<b>46.617.660.712</b>
<b>Số cuối năm</b>					

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại tương ứng là 27.574.893.876 VND và 15.634.573.819 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng do mua sắm mới	-	-	-
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	500.000.000	500.000.000
Tăng trong năm do khấu hao	-	-	-
Giảm do thanh	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.620.000.000</b>

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	38.500.000	149.686.635	120.100.000	2.741.180	65.345.455
<b>Cộng</b>	<b>38.500.000</b>	<b>149.686.635</b>	<b>120.100.000</b>	<b>2.741.180</b>	<b>65.345.455</b>

### 11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 <sup>(i)</sup>	3.744.080	37.620.800.000	3.204.080	32.040.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang <sup>(ii)</sup>	3.427.000	37.200.000.000	3.315.000	33.150.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình <sup>(iii)</sup>	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco <sup>(iv)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco <sup>(v)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>92.470.800.000</b>		<b>82.840.800.000</b>

(i)

#### 12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				<b>10.362.500.000</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000		120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000		100.000	3.000.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>2.292.800.000</b>		<b>12.570.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	114.280	1.142.800.000	700.000	7.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>			619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	114.280	1.142.800.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc			357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	115.000	1.150.000.000	200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>			85.000	850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.292.800.000</b>		<b>22.932.500.000</b>

#### 13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu.

#### 14. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất xây dựng Xưởng cơ khí Đà Nẵng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm		8.583.052.319
Tăng trong kỳ		
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	116.512.022	
Kết chuyển giảm khác		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.466.540.297</b>	<b>8.583.052.319</b>

#### 15. Tài sản dài hạn khác:

Là khoản đặt cọc thuê nhà dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	151.108.228.546	153.433.430.377
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	129.991.114.911	129.118.594.213
- Ngân hàng TMCP An Bình	7.333.399.276	10.531.121.805
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	13.783.714.359	13.783.714.359
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	32.377.575.400	47.058.325.227
- Vay Tập đoàn Sông Đà	12.185.297.071	10.000.000.000
- Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	20.192.278.329	36.448.325.227
- Cá nhân khác		610.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)		12.215.119.436
<b>Cộng</b>	<b>183.485.803.946</b>	<b>212.706.875.040</b>

### 17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp là các bên liên quan:	645.706	21.960.809.118
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco		2.348.749.308
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco		101.478.063
Công ty năng lượng Someco 1	645.706	19.510.581.747
Các nhà cung cấp khác	45.549.459.375	55.737.114.834
<b>Cộng</b>	<b>45.550.105.081</b>	<b>77.697.923.952</b>

### 18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng là các bên liên quan:	7.140.050.509	1.761.493.870
Công ty CP năng lượng Someco 1	5.580.337.784	1.563.712.725
Công ty CP Someco Hà Giang	1.559.712.725	197.781.145
Các khách hàng khác	26.920.594.083	26.368.172.771
<b>Cộng</b>	<b>34.060.644.592</b>	<b>28.129.666.641</b>

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.920.308.790	1.609.958.982		12.618.488.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.092.828.910			5.092.828.910
Thuế thu nhập cá nhân	1.057.963.525	195.036.031		1.692.104.970
Các loại thuế khác			5.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>15.071.101.225</b>	<b>1.804.995.013</b>	<b>5.000.000</b>	<b>19.402.422.220</b>

Thuế giá trị gia tăng

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5% - 10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006, 2007 và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.499.927.267	1.496.872.185
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		(634.500.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)		
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)		(634.500.000)
Thu nhập chịu thuế	7.499.927.267	862.372.185
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.874.981.817	215.593.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		(107.796.523)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.874.981.817	107.796.523

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 20. Chi phí phải trả

Các chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	2.929.266.674	2.929.266.674
Công ty Cổ phần Lilama 69.1		1.741.455.801
Chủ máy Lê Thị Xuân		
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long		1.395.950.663

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Narime		41.875.618
Chi phí Ban điều hành, phí B chính	1.243.418.739	1.243.418.739
Công ty TNHH CAM Hoàng Long	1.589.819.237	1.138.007.887
Chi phí xây dựng lán trại Thủy điện Nậm Chiến		394.216.972
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		194.397.590
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	1.700.322.972	16.921.217.828
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.538.470.907	2.823.050.406
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco		1.337.788.701
Chi phí mua vật tư thi công		248.370.000
Chi phí thuê máy thi công	2.060.190.285	525.636.363
Các nhà thầu phụ khác	10.189.308.180	512.056.987
<b>Cộng</b>	<b>21.150.796.700</b>	<b>31.446.710.229</b>
<b>21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.094.496.166	1.281.405.631
Bảo hiểm xã hội	4.006.808.227	2.153.347.277
Bảo hiểm y tế	609.772.532	359.376.506
Bảo hiểm thất nghiệp	310.715.971	162.095.516
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.517.450.460	10.517.450.460
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà	2.064.694.830	545.082.888
Quỹ tự nguyện Someco Sông Đà	91.445.999	204.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	240.273.670	208.948.127
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	300.000.000	300.000.000
Tiền phạt thuế	1.396.632.988	654.498.734
NH BIDV Hòa Bình		
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu:	2.292.800.000	2.292.800.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên (trong đó số chưa mua cổ phiếu là 342.300.000 VND)</i>	<i>1.142.800.000</i>	<i>1.142.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	442.257.475	198.812.322
<b>Cộng</b>	<b>23.367.348.318</b>	<b>18.878.501.960</b>
<b>22. Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp		3.249.056.370
Hợp đồng có rủi ro lớn		2.225.188.955
<b>Cộng</b>		<b>5.474.245.325</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Bảo hành*

Dự phòng cho bảo hành chủ yếu liên quan đến xây lắp công trình Thủy điện Nậm Chiến.

#### *Các hợp đồng có rủi ro lớn*

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

#### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(791.950.475)			(791.950.475)
Quỹ phúc lợi	399.808.521		10.200.000	389.608.521
<b>Cộng</b>	<b>(392.141.954)</b>		<b>10.200.000</b>	<b>(402.341.954)</b>

#### 24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	12.134.210.740	6.746.270.740
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	2.296.337.148	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	2.536.875.000	2.075.625.000
<b>Cộng</b>	<b>16.967.348.318</b>	<b>8.821.895.740</b>

#### *Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	16.967.422.888	8.821.895.740
Trên 5 năm		
<b>Tổng nợ</b>	<b>16.967.422.800</b>	<b>8.821.895.740</b>

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:*

Số đầu năm		8.821.895.740
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả trong kỳ	8.145.527.060	
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả		
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.967.422.800</b>	<b>8.821.895.740</b>

#### 25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Số trích lập bổ sung

Số đã chi

**Số cuối năm**

(12.676.200)

**1.222.682.703**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>27.976.043.226</b>	<b>3.004.949.525</b>	<b>10.087.299.151</b>	<b>122.995.469.129</b>
Cổ đông góp vốn					7.499.927.267	7.499.927.267
Lợi nhuận trong kỳ						
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ						
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>27.976.043.226</b>	<b>3.004.949.525</b>	<b>17.587.226.418</b>	<b>130.495.396.396</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
<b>Cộng</b>	<b>81.927.177.227</b>	<b>81.927.177.227</b>

### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	145.529.235.315	124.946.840.825
- Doanh thu bán hàng hóa		457.256.558
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	2.599.086.354	13.993.161.341
- Doanh thu hoạt động xây lắp	142.930.148.961	110.496.422.926
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>145.529.235.315</b>	<b>124.946.840.825</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa		457.256.558
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	2.599.086.354	13.361.461.933
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	142.930.148.961	110.496.422.926

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		1.589.435.726
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	758.261.642	166.965.397
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	114.533.192.883	95.848.749.020
<b>Cộng</b>	<b><u>115.291.454.525</u></b>	<b><u>97.605.150.143</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	58.001.546	205.858.885
Lãi tiền cho vay các Công ty con	10.991.107.747	12.989.599.880
Hoàn nhập dự phòng	228.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		634.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lãi bán hàng trả chậm		
<b>Cộng</b>	<b><u>11.277.109.293</u></b>	<b><u>13.848.165.429</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.082.581.373	11.180.630.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		
Phí kinh doanh chứng khoán	29.940.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>23.112.521.373</u></b>	<b><u>11.180.630.576</u></b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.243.997.630	5.771.929.820
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.748.509	594.120.556
Chi phí đồ dùng văn phòng	108.052.791	208.047.269
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.353.546	449.942.362
Thuế, phí và lệ phí	320.713.863	5.000.000
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.783.164.336	1.985.305.688

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bằng tiền khác	1.972.063.734	1.693.069.157
<b>Cộng</b>	<b><u>10.120.374.937</u></b>	<b><u>10.707.414.852</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc bán hồ sơ thầu		
Cho thuê máy	7.272.721	
Định giá lại TSCĐ khi cổ phần hoá Công ty con		
Các khoản khác	54.269.492	
<b>Cộng</b>	<b><u>61.542.213</u></b>	<b><u>0</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	476.696.791	
Thuế bị phạt thuế		
Chi phí khác	366.911.927	
<b>Cộng</b>	<b><u>843.608.718</u></b>	<b><u>0</u></b>

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.3 đến VII.5 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Phát triển Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	Công ty nhận vốn góp

### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính quý II năm 2012.

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Phạm Thị Canh	Phạm Đức Trọng	Trần Thanh Sơn